TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 7 - 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Si Đê.

Ông Lê Hoàng Điệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Bà Kim Thị Cẩm Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Thanh H, sinh ngày 01/01/1988 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Căn cước công dân số 093088006297 cấp ngày 15/02/2022.

Địa chỉ: Số E, ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà Lưu Thị B, sinh ngày 01/01/1987 (Vắng mặt);

Chứng minh nhân dân số 365831531 cấp ngày 27/3/2018;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2026, nguyên đơn ông Lương Thanh H trình bày:

Ông Lương Thanh H và bà Lưu Thị Bảo Q nhau có làm lễ cưới theo đúng phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 16/9/2022 đăng ký tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã M, thành phố Cần Thơ). Thời gian đâu chung sống ông Lương Thanh H và bà Lưu Thị Bảo

S rất hạnh phúc, đến khoảng tháng 7 năm 2024 thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung nên cuộc sống giữa ông Lương Thanh H và bà Lưu Thị B không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 12/2024 đến nay ông H và bà B không còn chung sống với nhau. Ông H nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với bà Lưu Thị Bảo .

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn bà Lưu Thị Bảo :

Bà Lưu Thị B đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng, không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Tại phiên toà sơ thẩm:

Ông Lương Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Lưu Thị B vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Riêng bị đơn bà Lưu Thị B vắng mặt là chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H: Ông Lương Thanh H được ly hôn với bà Lưu Thị Bảo . Về con chung, tài sản chung và nợ chung ông H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; bà Lưu Thị B không có ý kiến yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Lương Thanh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Lưu Thị Bảo . Bà Lưu Thị Bảo cư T tại ấp M, xã M, thành phố Cần Thơ. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án: “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lưu Thị B được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai, vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông H, bà B tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã M, Thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 106 ngày 16 tháng 9 năm 2022. Tại thời điểm kết hôn, ông H, bà B đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà B được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo ông H, sau khi kết hôn ông H và bà Lưu Thị Bảo C sống vui vẻ, hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung và không thể tiếp tục cuộc sống với bà B và kể từ tháng 12 năm 2024 ông H, bà B đã không còn chung sống với nhau. Bà Lưu Thị B không có văn bản tường trình ý kiến về mâu thuẫn gia đình, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà Lưu Thị B đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông H yêu cầu được ly hôn với bà Lưu Thị B là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Ông H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Bà Lưu Thị B không có ý kiến về việc có con chung hay không, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H trình bày không yêu cầu giải quyết. Bà Lưu Thị B không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[7] Như đã nhận định, phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Ông H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều

271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Thanh H được ly hôn với bà Lưu Thị Bảo .

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông Lương Thanh H cho rằng trong thời gian chung sống ông H và bà Lưu Thị B không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lương Thanh H trình bày không yêu cầu giải quyết. Bà Lưu Thị B không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Lương Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số 0006996 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ. Ông Lương Thanh H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS Thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6);
- TAND Thành phố Cần Thơ (Phòng GĐKT, TT và THA);
- UBND xã Mỹ Tú, TP. Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Hữu